

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỦY NGUYÊN
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 152/2021/HNGĐ-ST
Ngày 16-8-2021
V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hà

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hoàng Đắc Hân

Bà Bùi Thúy Mở

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu P - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2021 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 239/2021/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2021 về việc Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 136/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 125/2021/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị P; địa chỉ: Thôn Lê Lợi 1, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- Bị đơn: Anh Đỗ Đức L; địa chỉ: Thôn Lê Lợi 1, xã M, huyện T, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 10 tháng 6 năm 2021, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị P trình bày:

Chị Trần Thị P kết hôn với anh Đỗ Đức L trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 3 năm 1996. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L thường xuyên uống rượu, chửi bới xúc phạm chị P. Chị P và gia đình đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh L không thay đổi dẫn đến cuộc sống chung vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm. Do mâu thuẫn, chị P đã sống ly thân với anh L từ tháng 5 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mâu thuẫn giữa chị và anh L đã được gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Nay chị P nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Đỗ Đức L. Chị và anh L có 02 con chung tên Đỗ Đức Thọ, sinh ngày 08/4/1996; Đỗ Thị Dung, sinh ngày 13/01/1999. Hiện các con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị và anh Đỗ Đức L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Đỗ Đức L có nơi cư trú tại xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Đức L không hợp tác, cố tình trốn tránh. Tòa án đã tiến hành tổng đạt hợp lệ Thông báo về việc thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử và các văn bản tố tụng khác cho anh L nhưng đến ngày mở phiên tòa lần thứ hai anh Đỗ Đức L vẫn vắng mặt không có lý do, không có ý kiến trình bày về yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị P.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng không thực hiện đúng theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Đỗ Đức L. Về con chung và

tài sản chung chị Trần Thị P và anh Đỗ Đức L không yêu cầu nên Kiểm sát viên không đề cập giải quyết. Chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Các tài liệu, chứng cứ do đương sự cung cấp và Tòa án thu thập gồm: Giấy chứng nhận kết hôn, bản sao sổ hộ khẩu, bản sao căn cước công dân của chị Trần Thị P; bản sao giấy khai sinh của con chung; Bản tự khai; Biên bản lấy lời khai; Biên bản xác minh tại chính quyền địa P và gia đình anh Đỗ Đức L.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại thời điểm Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, bị đơn là anh Đỗ Đức L đang cư trú tại xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh Đỗ Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai đến phiên tòa nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh Đỗ Đức L.

[2] Về hôn nhân: Chị Trần Thị P và anh Đỗ Đức L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức lễ cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng vào ngày 18 tháng 3 năm 1996 là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Theo tài liệu xác minh tại địa P và gia đình thể hiện nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, cuộc sống chung không thống nhất, anh L thường xuyên uống rượu, chửi bới, xúc phạm chị P. Mâu thuẫn vợ chồng chị P, anh L đã được gia đình khuyên bảo, hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn chị P, anh L đã sống ly thân nhau từ tháng 5 năm 2020 đến nay, không ai quan tâm đến ai. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án anh Đỗ Đức L đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh L đều vắng mặt không có lý do, thể hiện anh L không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị P và không mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Điều này thể hiện quan hệ hôn nhân giữa chị Trần Thị P và anh Đỗ Đức L đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình, Hội

đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, xử cho chị Trần Thị P được ly hôn anh Đỗ Đức L.

[3] Về con chung: Chị Trần Thị P và anh Đỗ Đức L có 02 con chung tên Đỗ Đức Thọ, sinh ngày 08 tháng 4 năm 1996; Đỗ Thị Dung, sinh ngày 13 năm 01 năm 1999. Hiện hai con chung đã thành niên và có khả năng lao động nên chị Trần Thị P không yêu cầu Tòa án giải quyết, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung: Chị Trần Thị P khai chị và anh Đỗ Đức L có tài sản chung nhưng tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Mặt khác, chưa có lời khai của anh Đỗ Đức L nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị Trần Thị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trần Thị P và anh Đỗ Đức L.
2. Về án phí: Chị Trần Thị P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) chị P đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0015941 ngày 17 tháng 6 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thuỷ Nguyên. Chị Trần Thị P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị P có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Đỗ Đức L có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án do Tòa án tổng đạt hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS huyện Thủy Nguyên;
- UBND xã Minh Tân, huyện Thủy Nguyên (Giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 18/3/1996);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Hà

